

Phụ lục 1 - DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ

Kèm theo Công văn số: /CV-BV ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Buôn Hồ

Stt	Mã	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách hàng hóa	ĐVT	Số lượng
Phần 01: Bơm tiêm, bông, băng, gạc, băng dính (21 mặt hàng)						
1	VT126P 01001	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động 50ml	Bơm tiêm nhựa không kim, tiết trùng, có đầu khóa vặn xoắn luer lock, có vòng kẹp để rút thuốc và tiêm thuốc. Dung tích bơm tiêm 50ml. Xuất xứ: Việt Nam		Cái	200
2	VT126P 01002	Bơm tiêm sử dụng một lần 1 ml	Bơm tiêm liền kim dùng một lần, tiết trùng. Dung tích bơm tiêm 1 ml. Xuất xứ: Việt Nam		Cái	1,800
3	VT126P 01003	Bơm tiêm sử dụng một lần 10 ml	Bơm tiêm liền kim dùng một lần, tiết trùng. Dung tích bơm tiêm 10ml. Xuất xứ: Việt Nam		Cái	78,000
4	VT126P 01004	Bơm tiêm sử dụng một lần 20 ml	Bơm tiêm liền kim dùng một lần, tiết trùng. Dung tích bơm tiêm 20ml. Xuất xứ: Việt Nam		Cái	7,200
5	VT126P 01005	Bơm tiêm sử dụng một lần 5 ml	Bơm tiêm liền kim dùng một lần, tiết trùng. Dung tích bơm tiêm 5ml. Xuất xứ: Việt Nam		Cái	144,000
6	VT126P 01006	Bơm tiêm cho ăn 50ml	Bơm tiêm 50ml/cc thích hợp cho việc cho ăn, được tiết trùng bằng khí gas EO, đóng trong từng túi nilong riêng biệt, thuận tiện cho việc sử dụng và vệ sinh. Xuất xứ: Việt Nam		Cái	200
7	VT126P 01007	Băng bột bó 4 inches	Chất liệu: Làm từ bột thạch cao, lớp gạc 100% cotton. Kích thước: 10cm x $\geq 4,5$ m		Cuộn	1,200
8	VT126P 01008	Băng bột bó 6 inches	Chất liệu: Làm từ bột thạch cao, lớp gạc 100% cotton. Kích thước: 15cm x $\geq 4,5$ m		Cuộn	600
9	VT126P 01009	Băng cuộn 9cm x 2,5m	Kích thước: 9cm x 2,5m. Chất liệu: làm từ 100% sợi cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. Tiết trùng.		Cuộn	1,400
10	VT126P 01010	Băng dán cá nhân	Tiết trùng, kích cỡ, hộp ≥ 100 miếng		Hộp	72
11	VT126P 01011	Băng keo lụa y tế	Chất liệu: Vải lụa, phủ keo Acrylic hoặc kẽm oxyd không gây kích ứng da; Kích thước 5cm x 5m		Cuộn	1,400
12	VT126P 01012	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ướt	Chiều rộng ≥ 12 mm, chiều dài ≥ 50 m/cuộn		Cuộn	20
13	VT126P 01013	Băng thun 3 móc	Chất liệu: Được làm từ sợi cotton hoặc polyester, kết hợp với sợi cao su thiên nhiên. Kích thước: 0,1m x 3m (chiều dài thực tế không tính co giãn)		Cuộn	2,000
14	VT126P 01014	Bông không hút nước	Bông không thấm nước có màu trắng ngà của bông xơ tự nhiên, độ ẩm $\leq 8,0$ % KL, hàm lượng tạp $\leq 1,0$ % KL.		Kg	20
15	VT126P 01015	Bông y tế hút nước	100% cotton, bông trắng có khả năng thấm hút cao. Xuất xứ: Việt Nam		Kg	150
16	VT126P 01016	Gạc cố định kim luồn	Kích cỡ: 6cm x 7cm. Gạc cố định kim luồn không thấm nước, có xẻ rãnh, có lớp màng polyurethane mỏng trong suốt, được tiết khuẩn.		Miếng	10,600
17	VT126P 01017	Gạc phẫu thuật tiết trùng	Kích thước: 30cm x 40cm x 6 lớp		Miếng	2,000
18	VT126P 01018	Gạc y tế không tiết trùng	Khổ 0,8m. Trọng lượng ≥ 23 g/m ² Thành phần: làm từ sợi 100% cotton, thấm hút cao, sợi trắng mịn, mềm mại, thoáng khí.		Mét	12,000
19	VT126P 01019	Gạc y tế tiết trùng	Kích thước 5cm x 6,5cm x 12 lớp, 10 miếng/gói		Gói	12,000
20	VT126P 01020	Gạc vaselin	Kích thước: 7cm x 40cm. Thành phần 100% cotton hoặc vải không dệt, được tẩm vaselin.		Miếng	2,400

Stt	Mã	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách hàng hóa	ĐVT	Số lượng
21	VT126P 01021	Tấm bông lấy mẫu tiết trùng	Ống nhựa PP, đầu bông, que gỗ/nhựa		Cái	600
Phần 02: Chỉ khâu y tế (10 mặt hàng)						
1	VT126P 02001	Chỉ khâu không tan số 2/0 (Polyamide)	Chỉ đơn sợi polyamide chiều dài ≥ 75 cm, kim tam giác dài ≥ 24 mm		Tép	600
2	VT126P 02002	Chỉ khâu không tan số 3/0 (Polyamide)	Chỉ đơn sợi polyamide chiều dài ≥ 75 cm, kim tam giác dài ≥ 24 mm		Tép	720
3	VT126P 02003	Chỉ khâu không tan số 4/0 (Polyamide)	Chỉ đơn sợi polyamide chiều dài ≥ 75 cm, kim tam giác dài ≥ 19 mm		Tép	240
4	VT126P 02004	Chỉ khâu tiêu chậm số 1/0 (Polyglactin)	Chỉ đa sợi polyglactin 910 chiều dài ≥ 90 cm, kim tròn dài ≥ 40 mm		Tép	800
5	VT126P 02005	Chỉ khâu tiêu chậm số 2/0 (Polyglactin)	Chỉ đa sợi polyglactin 910 chiều dài ≥ 75 cm, kim tròn dài ≥ 26 mm		Tép	480
6	VT126P 02006	Chỉ khâu tiêu chậm số 3/0 (Polyglactin)	Chỉ đa sợi polyglactin 910 chiều dài ≥ 75 cm, kim tròn dài ≥ 26 mm		Tép	84
7	VT126P 02007	Chỉ khâu tiêu tự nhiên số 1/0 (Chrome)	Chỉ đơn sợi có tấm muối chromic, chiều dài chỉ ≥ 75 cm, kim tròn 1/2c, dài ≥ 40 mm		Tép	420
8	VT126P 02008	Chỉ khâu tiêu tự nhiên số 2/0 (Chrome)	Chỉ đơn sợi có tấm muối chromic, chiều dài chỉ ≥ 75 cm, kim tròn 1/2c, dài ≥ 26 mm		Tép	180
9	VT126P 02009	Chỉ khâu tiêu tự nhiên số 3/0 (Chrome)	Chỉ đơn sợi có tấm muối chromic, chiều dài chỉ ≥ 75 cm, kim tròn 1/2c, dài ≥ 26 mm		Tép	120
10	VT126P 02010	Chỉ phẫu thuật thép số 7	Là loại chỉ thép không tan. Chất liệu thép không gỉ y tế (như 316L hoặc tương đương). Kích cỡ chỉ: Số 7 (USP). Chiều dài sợi chỉ ≥ 75 cm (có thể nạp sợi đôi). Kim khâu đi kèm là kim tam giác (cắt), độ cong 1/2 vòng tròn, chiều dài kim trong khoảng 48mm - 55mm. Đóng gói tiết trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, FDA hoặc tương đương		Tép	30
Phần 03: Đinh, vít dùng trong phẫu thuật xương (06 mặt hàng)						
1	VT126P 03001	Đinh Kirschner	Chất liệu: Thép không gỉ; Có tiện ren hai đầu; Đường kính: 1mm-3,5mm; Chiều dài đinh: 20cm-30cm		Cái	200
2	VT126P 03002	Vít xương cứng 3,5mm	Chất liệu: Thép không gỉ; Chiều dài: 15mm-30mm		Cái	200
3	VT126P 03003	Vít xương cứng 4,5mm	Chất liệu: Thép không gỉ; Chiều dài: 25mm-40mm		Cái	200

Stt	Mã	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách hàng hóa	ĐVT	Số lượng
4	VT126P 03004	Vít xương xóp 3,5mm	Chất liệu: Thép không gỉ; Ren bán phần		Cái	100
5	VT126P 03005	Vít xương xóp 4,5mm	Chất liệu: Thép không gỉ; Ren bán phần		Cái	180
6	VT126P 03006	Vít xương xóp 6,5mm	Chất liệu: Thép không gỉ; Ren bán phần		Cái	120
Phần 04: Nẹp dùng trong phẫu thuật xương (04 mặt hàng)						
1	VT126P 04001	Nẹp bản hẹp các cỡ	Chất liệu: Thép không gỉ, số lỗ: 6-8		Cái	100
2	VT126P 04002	Nẹp bản nhỏ các cỡ	Chất liệu: Thép không gỉ, số lỗ: 6-8		Cái	100
3	VT126P 04003	Nẹp chữ L bản hẹp	Chất liệu: Thép không gỉ; Có lựa chọn bên trái/phải; Số lỗ: 6-8 lỗ		Cái	40
4	VT126P 04004	Nẹp lòng máng 1/3	Chất liệu: Thép không gỉ, 5-7 lỗ, vít 3,5mm		Cái	40
Phần 05: Dây truyền, dây dẫn, ống dẫn lưu, ống hút, ống thông, ống nghiệm, vật tư xét nghiệm (25 mặt hàng)						
1	VT126P 05001	Dây nối dài dùng trong truyền dịch, bơm thuốc	Chất liệu dây: PVC không chứa DEHP, chiều dài ≥ 140 cm, có đầu nối luer lock. Xuất xứ: Việt Nam		Cái	100
2	VT126P 05002	Dây truyền dịch + kim cánh bướm	Chiều dài dây ≥ 150 cm, có kim 2 cánh bướm kèm theo dây, không chứa DEHP, không có chất gây sốt. Xuất xứ: Việt Nam		Bộ	8,400
3	VT126P 05003	Dây truyền máu	Chiều dài dây ≥ 150 cm, màng lọc tiểu phân khoảng 200 μ m, Chất liệu dây: PVC, không chứa DEHP, không có chất gây sốt.		Bộ	180
4	VT126P 05004	Bộ rửa dạ dày	Chất liệu: Mủ cao su tự nhiên, cỡ số 22-28		Bộ	70
5	VT126P 05005	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn	Chất liệu: PVC, chiều dài dây dẫn ≥ 2 m Xuất xứ: Việt Nam		Cái	1,800
6	VT126P 05006	Dây thở oxy 2 nhánh trẻ em	Chất liệu: PVC, chiều dài dây dẫn ≥ 2 m Xuất xứ: Việt Nam		Cái	180
7	VT126P 05007	Ống thông tiểu 1 nhánh số 8	Chất liệu: Cao su tự nhiên có phủ silicone, cỡ số 8		Sợi	40
8	VT126P 05008	Ống thông tiểu 1 nhánh số 16	Chất liệu: Cao su tự nhiên có phủ silicone, cỡ số 16		Sợi	40
9	VT126P 05009	Ống thông tiểu 1 nhánh số 18	Chất liệu: Cao su tự nhiên có phủ silicone, cỡ số 18		Sợi	60

Stt	Mã	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách hàng hóa	ĐVT	Số lượng
10	VT126P 05010	Ống thông tiểu 2 nhánh số 14	Chất liệu: Cao su tự nhiên có phủ silicone, cỡ số 14		Sợi	120
11	VT126P 05011	Ống thông tiểu 2 nhánh số 16	Chất liệu: Cao su tự nhiên có phủ silicone, cỡ số 16		Sợi	240
12	VT126P 05012	Ống thông tiểu 2 nhánh số 18	Chất liệu: Cao su tự nhiên có phủ silicone, cỡ số 18		Sợi	100
13	VT126P 05013	Ống thông dạ dày số 16	Chất liệu: nhựa PVC, trong suốt, không chứa DEHP; cỡ số 16; chiều dài ≥ 50 cm; tiết trùng. Xuất xứ: Việt Nam		Cái	80
14	VT126P 05014	Ống thông dạ dày số 18	Chất liệu: nhựa PVC, trong suốt, không chứa DEHP; cỡ số 18; chiều dài ≥ 50 cm; tiết trùng. Xuất xứ: Việt Nam		Cái	80
15	VT126P 05015	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Dùng để đặt nội khí quản qua đường miệng hoặc mũi, để hỗ trợ quá trình thông khí trực tiếp và liên tục để cung cấp không khí hoặc khí gây mê đến và đi từ phổi của bệnh nhân.		Cái	70
16	VT126P 05016	Dây hút đờm số 8	Chất liệu: nhựa PVC, màu sắc trong suốt, tiết trùng.		Cái	300
17	VT126P 05017	Dây hút đờm số 16	Chất liệu: nhựa PVC, màu sắc trong suốt, tiết trùng.		Cái	60
18	VT126P 05018	Dây hút đờm số 18	Chất liệu: nhựa PVC, màu sắc trong suốt, tiết trùng.		Cái	60
19	VT126P 05019	Đầu col xanh 1000 μ l	Chất liệu: Nhựa PP, không lọc		Cái	48,000
20	VT126P 05020	Đầu col vàng 200 μ l	Chất liệu: Nhựa PP, không lọc		Cái	12,000
21	VT126P 05021	Ống nghiệm Edta K2, nắp	Ống nhựa PP, thể tích 2ml Xuất xứ: Việt Nam		Cái	30,000
22	VT126P 05022	Ống nghiệm Edta K2, nắp cao su, mous	Ống nhựa PP, thể tích 2ml, có nắp cao su, mous thấp		Cái	18,000
23	VT126P 05023	Ống nghiệm Heparin	Ống nhựa PP, thể tích 1ml Xuất xứ: Việt Nam		Cái	48,000
24	VT126P 05024	Ống nghiệm trắng có nắp	Ống nhựa PS, thể tích 5ml Xuất xứ: Việt Nam		Cái	2,000
25	VT126P 05025	Ống nghiệm Serum (nắp đỏ)	Ống nhựa PP, thể tích 5 ml, có chứa hạt nhựa Poly Styrene		Cái	2,400
Phần 06: Dung dịch, vật tư sát khuẩn (09 mặt hàng)						
1	VT126P 06001	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	Thành phần: 0,55% Ortho-Phthalaldehyde, dung tích $\geq 3,78$ lít/can		Can	20
2	VT126P 06002	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Thành phần chính: Chlorhexidine 4%, dung tích: 500ml/chai		Chai	20
3	VT126P 06003	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Thành phần chính: Chlorhexidine 0,5%, dung tích: 500ml/chai		Chai	50
4	VT126P 06004	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Thành phần chính: Chlorhexidine 0,5%, dung tích: 1000ml/chai		Chai	20
5	VT126P 06005	Dung dịch rửa tay sát khuẩn Chlorhexidine 2%	Thành phần chính: Chlorhexidine 2%, dung tích: 500ml/chai		Chai	12
6	VT126P 06006	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế	Thành phần chính: 5% Protease Enzyme, dung tích: ≥ 5 lít/can		Can	6
7	VT126P 06007	Gel siêu âm	Gel tan trong nước, trong suốt, không màu hoặc màu xanh, độ pH $6,5 \pm 0,75$. Không gây rát da, không gây mẫn cảm, dễ rửa bằng nước. Không mùi, không chứa chất ăn mòn, không chứa muối. Thể tích ≥ 5 lít/can		Can	60

Stt	Mã	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách hàng hóa	ĐVT	Số lượng
8	VT126P 06008	Gel bôi trơn	Gel tan trong nước, trong suốt, không màu, không mùi, không gây kích ứng da, độ pH $5 \pm 0,50$.. Đóng gói: $\geq$		Tuýp	20
9	VT126P 06009	Viên khử khuẩn	Thành phần chính: Chứa 2,5gr Natri diclorocyanurat hoặc Natri Dichloroisocyanurate		Viên	3,000
Phần 07: Găng tay, khẩu trang, nón phẫu thuật (07 mặt hàng)						
1	VT126P 07001	Găng khám có bột cỡ M	Kích cỡ: cỡ M; Chiều dài: $\geq 240\text{mm}$; Chiều dày 1 lớp: $\geq 0,08\text{mm}$. Chất liệu từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính.		Đôi	30,000
2	VT126P 07002	Găng khám có bột cỡ S	Kích cỡ: cỡ S; Chiều dài: $\geq 240\text{mm}$; Chiều dày 1 lớp: $\geq 0,08\text{mm}$. Chất liệu từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính		Đôi	72,000
3	VT126P 07003	Găng tay phẫu thuật tiết trùng số 6,5	Kích cỡ: số 6,5; Chiều dài: $280\text{mm} \pm 5\text{mm}$; Chiều dày 1 lớp: $0,15\text{mm} \pm 0,03\text{mm}$. Chất liệu từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, được tiết trùng bằng khí E.O.		Đôi	15,000
4	VT126P 07004	Găng tay phẫu thuật tiết trùng số 7	Kích cỡ: số 7,0; Chiều dài: $280\text{mm} \pm 5\text{mm}$; Chiều dày 1 lớp: $0,15\text{mm} \pm 0,03\text{mm}$. Chất liệu từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, được tiết trùng bằng khí E.O.		Đôi	16,000
5	VT126P 07005	Găng phẫu thuật cổ tay dài	Chiều dài: $450\text{mm} \pm 5\text{mm}$; Chiều dày 1 lớp: $0,15\text{mm} \pm 0,03\text{mm}$. Chất liệu từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính		Đôi	800
6	VT126P 07006	Khẩu trang y tế	≥ 3 lớp, tiết trùng, dây đeo thun, đóng túi riêng		Cái	12,000
7	VT126P 07007	Mũ phẫu thuật	Chất liệu: Làm từ vải không dệt, đóng túi riêng và được tiết trùng		Cái	5,000
Phần 08: Kim tiêm, gây tê, châm cứu (09 mặt hàng)						
1	VT126P 08001	Kim châm cứu các số	Kim tiết trùng; Thân kim bằng thép không gỉ; Đường kính kim: 0,3mm, Chiều dài kim: 20-75mm		Cái	240,000
2	VT126P 08002	Kim chọc dò, gây tê tủy sống 25G	Cỡ kim 25G, đầu kim vát kiểu Quincke. Chiều dài kim khoảng 88mm - 90mm. Có nòng kim. Chuôi kim bằng nhựa trong suốt giúp dễ dàng quan sát dịch não tủy. Đóng gói tiết		Cái	360
3	VT126P 08003	Kim chọc dò, gây tê tủy sống 27G	Cỡ kim 27G, đầu kim vát kiểu Quincke. Chiều dài kim khoảng 88mm - 90mm. Có nòng kim. Chuôi kim bằng nhựa trong suốt giúp dễ dàng quan sát dịch não tủy. Đóng gói tiết		Cái	120
4	VT126P 08004	Kim gây tê đám rối thần kinh	Kích cỡ: 22G x 2" (0,70 x 50 mm)		Cái	120
5	VT126P 08005	Kim luồn tĩnh mạch 20G	Chất liệu: PTFE/ FEP, cỡ kim 20G, đầu kim có vát sắc bén, cathether nhựa, có vạch cân quang, kim luồn có cánh, có cửa. Có khả năng lưu kim ≥ 72 giờ.		Cái	600
6	VT126P 08006	Kim luồn tĩnh mạch 22G	Chất liệu: PTFE/ FEP, cỡ kim 22G, đầu kim có vát sắc bén, cathether nhựa, có vạch cân quang, kim luồn có cánh, có cửa. Có khả năng lưu kim ≥ 72 giờ.		Cái	2,000
7	VT126P 08007	Kim luồn tĩnh mạch 24G	Chất liệu: PTFE/ FEP, cỡ kim 24G, đầu kim có vát sắc bén, cathether nhựa, có vạch cân quang, kim luồn có cánh, không cửa. Có khả năng lưu kim ≥ 72 giờ.		Cái	2,400
8	VT126P 08008	Kim luồn tĩnh mạch 24G	Chất liệu ống thông bằng nhựa y tế (như PUR, PTFE, FEP hoặc tương đương), có vạch cân quang. Tích hợp cơ cấu an toàn: đầu kim có cơ chế tự động được che lấp/bao bọc lại sau khi rút ra, ngăn ngừa nguy cơ kim đâm cho nhân viên y tế. Có khả năng lưu kim tối thiểu ≥ 72 giờ. Đạt tiêu chuẩn CE, FDA hoặc tương đương.		Cái	5,600
9	VT126P 08009	Kim tiêm 18G	Kim tiêm làm bằng thép không gỉ, đầu kim cỡ 18G, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ đầu kim, không chứa tạp chất bên trong. Đóng gói tiết trùng dùng 1 lần.		Cây	40,000

Stt	Mã	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách hàng hóa	ĐVT	Số lượng
Phần 09: Vật tư khác (20 mặt hàng)						
1	VT126P09001	Định lại nhóm máu tại giường	Gồm 2 test dùng để xét nghiệm nhóm máu A, B, O,... tại giường bệnh xác nhận sự tương thích nhóm máu.		Gói/ Túi/ Hộp	400
2	VT126P09002	Đồng hồ oxy	Sản phẩm gồm: Đồng hồ đo lượng oxy trong bình, cột đo lưu lượng khí oxy ra, bình tạo ẩm khí oxy, dây thở.		Bộ	20
3	VT126P09003	Đè lưỡi gỗ	Chất liệu: Gỗ, tiệt trùng. Hộp ≥ 100 cái		Hộp	600
4	VT126P09004	Giấy in máy điện tim 6 cần 112mm x 27m	Giấy sọc lưới, kích thước 112mm x ≥ 27 m		Cuộn	200
5	VT126P09005	Giấy in máy điện tim 6 cần 110mm x	Giấy trắng không sọc, kích thước 110mm x 140mm, ≥ 143 tờ/ xấp.		Xấp	120
6	VT126P09006	Giấy điện tim 12 cần 215mm	Giấy sọc lưới, kích thước 215mm x ≥ 30 m		Cuộn	120
7	VT126P09007	Giấy đo CTG(Cardiotocography)	Loại giấy: giấy in nhiệt; kích thước: 152mm x 90mm, ≥ 150 tờ/ cuộn		Cuộn	80
8	VT126P09008	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần số 10	Chất liệu: Thép carbon (Carbon steel) hoặc thép không gỉ (Stainless steel). Được đóng gói tiệt trùng từng cái riêng biệt.		Cái	1,000
9	VT126P09009	Miếng dán điện cực tim	Cảm biến Ag/AgCl, chất kết dính Hydro-gel		Cái	600
10	VT126P09010	Tấm lót sản khoa	Kích thước: ≥ 40 cm x ≥ 60 cm		Cái	800
11	VT126P09011	Kẹp rốn	Chất liệu: Nhựa PP, tiệt trùng Xuất xứ: Việt Nam		Cái	800
12	VT126P09012	Túi đo lượng máu sau sinh	Chất liệu: Nhựa PE, dung tích ≥ 2000 ml		Cái	800
13	VT126P09013	Túi đựng nước tiểu	Dung tích 2000ml, tiệt trùng Xuất xứ: Việt Nam		Cái	300
14	VT126P09014	Lam kính nhám	Lam kính, kích thước: 25,4 x 76,2 mm, Dày 1-1,2 mm. Hộp ≥ 72 miếng		Hộp	20
15	VT126P09015	Lam kính trơn	Lam kính, kích thước: 25,4 x 76,2 mm, Dày 1-1,2 mm. Hộp ≥ 72 miếng		Hộp	20
16	VT126P09016	Huyết áp ống nghe người lớn, trẻ em	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg, độ chính xác ± 3 mmHg, có kiểm định. Bộ sản phẩm phải bao gồm đầy đủ: 01 đồng hồ, 01 quả bóp có van xả, 01 bao đo huyết áp cỡ người lớn, trẻ em và 01 ống nghe tim phổi đi kèm.		Bộ	30
17	VT126P09017	Bao dây đốt điện	Chất liệu: nhựa PP/PE, được tiệt trùng, kích thước: 6,5cm x 235cm		Cái	300
18	VT126P09018	Hộp giấy đựng vật sắc nhọn y tế 5 lít	Chất liệu: Carton 2 mặt phủ màng PE, dung tích 5 lít		Cái	500
19	VT126P09019	Hộp nhựa đựng vật sắc nhọn y tế 1,5 lít	Chất liệu: Nhựa PE/HDPE, dung tích 1,5 lít		Cái	100
20	VT126P09020	Mặt nạ xông khí dung các cỡ	Chất liệu: Nhựa y tế trong suốt (như PVC), mềm mại, không chứa chất độc hại DEHP. Có kẹp nhôm định hình ở mũi và dây chun đàn hồi để cố định vào đầu bệnh nhân. Kèm theo bầu xông khí dung và dây dẫn khí chiều dài ≥ 2 m. Đóng gói tiệt trùng hoặc sạch từng cái.		Cái	720